

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nam Định có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức mua sắm thiết bị y tế với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nam Định

Địa chỉ: Đường Phù Nghĩa, P. Lộc Hạ, TP. Nam Định

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

DS. Bùi Thị Thu Hà

Trưởng Khoa Dược – TTBYT – KSNK

ĐT: 0915115504

Email: hathuy11.5@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Đơn vị tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nam Định, Đường Phù Nghĩa, P. Lộc Hạ, TP. Nam Định

- Nhận qua email: hathuy11.5@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 3 tháng 05 năm 2024 đến trước 17h00 ngày 13 tháng 05 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 13 tháng 05 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế.

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng GLUCOSE	Dùng để chẩn đoán định lượng Glucose trong máu. Thành phần Hóa chất R1: Phosphate buffer: 250 mmol/l; Glucose oxidase > 25 U/ml; Peroxidase > 2 U/ml; Phenol: 5 mmol/l; 4-aminoantipyrine: 0.5 mmol/l Thể tích: ≥ 440ml/hộp Tương thích với máy xét nghiệm sinh hoá tự động Model XL-1000 và Tobo - 480	8	Hộp
2	Thuốc thử xét nghiệm định lượng UREA	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng urê trong máu Thành phần Hóa chất R1: Tris Buffer : 100 mmol/l α-Ketoglutarate: 5.49 mmol/l Urease (Jack Bean): ≥ 10 KU/l GLDH (Microorganism): ≥ 3.8 KU/l Thành phần Hóa chất R2: NADH: 1.66 mmol/l. Thể tích: (R1: ≥ 220ml + R2: ≥ 55ml)/Hộp Tương thích với máy xét nghiệm sinh hoá tự động Model XL-1000 và Tobo - 480	10	Hộp
3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AST/GOT	Thành phần Hóa chất R1: Tris Buffer (pH 7.8): 110 mmol/l L-Aspartic acid: 340 mmol/l LDH: ≥ 4000 U/l MDH : ≥ 750 U/l Thành phần Hóa chất R2: CAPSO: 20 mmol/l 2-oxoglutarate: 85 mmol /l NADH: 1.05 mmol/l Thể tích: (R1: ≥264ml + R2: 66ml)/Hộp Tương thích với máy xét nghiệm sinh hoá tự động Model XL-1000 và Tobo - 480	8	Hộp
4	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ALT/GPT	Thành phần Hóa chất R1: Tris Buffer (pH 7.5): 137.5 mmol/l L-Alanine: 709 mmol/l LDH (microbial): ≥ 2000 U/l Thành phần Hóa chất R2: CAPSO: 20 mmol/l 2-oxoglutarate: 85 mmol /l NADH: 1.05 mmol/l Thể tích : (R1: ≥ 264 ml+ R2: ≥ 66ml)/Hộp Tương thích với máy xét nghiệm sinh hoá tự động Model XL-1000 và Tobo - 480	8	Hộp


5	Chất kiểm tra giá trị cao các thông số xét nghiệm sinh hóa	Dùng để kiểm tra giá trị bệnh lý các thông số xét nghiệm sinh hóa. Thành phần: Điều chế từ huyết thanh người với các chất phụ gia hóa học và chiết xuất mô từ người và động vật, được thêm vào một số loại vi khuẩn, dạng đông khô. Thể tích: (R1: $\geq 20\text{ml}$ + R2: $\geq 20\text{ml}$)/hộp Tương thích với máy xét nghiệm sinh hoá tự động Model XL-1000 và Tobo - 480	1	Hộp
6	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatinin	Dùng để chẩn đoán định lượng Creatinine trong máu. Thành phần hóa chất R1: Sodium Hydroxide: 240 mmol/l Thành phần hóa chất R2: Picric Acid: 26 mmol/l Thể tích: $\geq 275\text{ml}$ /hộp Tương thích với máy xét nghiệm sinh hoá tự động Model XL-1000 và Tobo - 480	2	Hộp

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nam Định
3. Thời gian giao hàng dự kiến: trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán 100% sau khi đã bàn giao, nghiệm thu hàng hoá và thanh lý hợp đồng.
5. Các thông tin khác

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- BGD, Khoa Dược-TTBYT-KSNK;
- Lưu VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đoàn Trọng Thuyết



Phụ lục: Mẫu báo giá

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số: 151/YC- BVNT ngày 02/05/2024 của Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nam Định)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nam Định

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của *Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nam Định*, chúng tôi...[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.